

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày 11-01-2021

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, Yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T-TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị N

2. Ông Hà Minh T

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T: Ông Lê Văn H-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số 132/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019, Thụ lý bổ sung số 132A/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phạm Trọng H, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1965.

Cùng cư trú: ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Tr, sinh năm 1953. Cư trú: khu phố 3, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An (có mặt).

4. *Người làm chứng:*

+ Ông Bùi Văn C, sinh năm: 1946. Cư trú: ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N,

huyện Tân T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Phạm Trọng H trình bày: Năm 2017 cha của ông là ông Phạm Tr cho diện tích đất gồm các thửa: Thửa 49 diện tích 2.428m², thửa 54 diện tích 1.171m² và thửa 341 diện tích 3.926m² thuộc tờ bản đồ số 3 vị trí ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, Tân T, Long An, đến ngày 14/4/2017 ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt CNQSD đất) số CH 627383. Đến khoảng tháng 9/2018 ông xây dựng nhà kho chứa trấu thì vợ chồng ông C, bà H tranh chấp nói ông lấn đất diện tích 85m², chiều ngang giáp Kênh Cà Nhíp 1,2m, điểm giáp lộ N2 là 0m, chiều dài 141m thuộc 01 phần thửa 49. Ngoài ra, do tranh chấp nên ông ngưng xây dựng kho trấu thì vài ngày sau ông C, bà H nhổ cọc mốc ranh theo mảnh trích đo địa chính ngày 10/01/2017, cột mốc này có trước khi ông Nghĩa mua đất chủ cũ, mà cột mốc này ông C thống nhất ký biên bản thỏa thuận ranh ngày 28/10/2010. Do tạm ngưng công trình xây kho trấu nên thiệt hại tài sản của ông như sau:

-04 ngày công lao động, mỗi ngày 05 người số tiền 4.800.000đồng

-05 cây đòn tay gỗ (nhóm 3, mỗi cây 250.000đồng) số tiền 1.250.000đồng

-20m³ đất ông C mức năm 2012 lấp bên phần cống ông C, mỗi 01 mét khối 110.000đồng thành tiền 2.200.000đồng. Nay ông yêu cầu ông C, bà H trả lại 85m² đất thuộc 01 phần thửa 49, tờ bản đồ số 3, vị trí ấp Tân Chánh B, Nhơn N, Tân T, Long An và bồi thường thiệt hại tài sản tổng số tiền 8.250.000đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị Bé H trình bày: Nguồn gốc đất mua của ông Phạm Văn Tài năm 1989, sau khi mua vợ chồng ông khai hoang làm ruộng và sử dụng ranh đất với chủ cũ không có tranh chấp. Đến ngày 05/11/2001 vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Tân T cấp giấy CNQSD đất Số U 070574 gồm có: Thửa 6 diện tích 15.347m², thửa 22 diện tích 7.734m², thửa 39 diện tích 16.239m², thửa 58 diện tích 9.614m², thửa 62 diện tích 510m², thửa 67 diện tích 3.057m² thuộc tờ bản đồ số 3, vị trí ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, Tân T, Long An. Nay ông, bà xác định không có lấn đất ông H và đề nghị giữ ranh đất đã cắm trước đó. Còn ông H yêu cầu bồi thường 20m³ đất, 05 cây đòn tay, 04 ngày công lao động thì ông, bà không đồng ý, vì đối với 20m³ đất do thi công xáng mức làm lộ nông thôn, còn 05 cây đòn tay và 04 ngày công lao động do ông H làm nhà kho phần mái tôn lấn qua đất ông, bà có báo tổ tự quản thì ông H có dời cột nhưng vẫn chưa đúng ranh đất. Ngoài ra, ông C, bà H yêu cầu phản tố yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại tài sản như sau:

-10 cây cừ, mỗi cây 50.000đồng số tiền 500.000đồng

-02 ống bọng, mỗi ống 2.200.000đồng số tiền 4.400.000đồng

-Thuê máy Kobe mức cát, trấu tràn xuống ống bọng số tiền 600.000đồng

-Thuê máy bơm nước 02 lần, mỗi 01 lần 2.000.000đồng số tiền 4.000.000đồng

-Thuê 03 lao động, mỗi lao động 300.000đồng số tiền 900.000đồng

-Thuê máy Kobe sửa ống bọng 04 giờ, mỗi giờ 300.000đồng số tiền 1.200.000đồng, tổng cộng số tiền 11.600.000đồng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Trình bày: Năm 2010 ông mua đất của bà Nguyễn Thị Thắng vợ ông Bùi Văn Cua ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, Tân T, Long An. Đến ngày 31/12/2010 được UBND huyện Tân T cấp giấy CNQSD đất thửa 49 diện tích 2.428m² vị trí ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Đến năm 2017 cho con ông là Phạm Trọng H sử dụng phần đất này, nhưng quá trình canh tác và sử dụng thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông C, bà H. Nay ông đồng ý theo mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đất đai tại huyện Tân T (viết tắt Chi nhánh VPĐKĐĐ) và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T phát biểu ý kiến.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) năm 2015.

Xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng và quá trình giải quyết đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 68 BLTTDS năm 2015.

Về thu thập chứng cứ Thẩm phán C hành thu thập chứng cứ, thẩm định tại chỗ thực hiện đúng quy định Điều 96, 97, 98, 101, 106 BLTTDS năm 2015.

Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia đều và chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 77 và 78 BLTTDS năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, ông H thay đổi 01 phần yêu cầu, ông H yêu cầu ông C, bà H trả lại 42,5m² đất thuộc 01 phần thửa 49 tờ bản đồ số 3 theo mảnh trích đo địa chính số 75-2020 ngày 08/7/2020 của Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Tân T không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Còn vợ chồng ông C, bà H trình bày nguồn gốc đất ông bà sang nhượng của ông Phạm Văn Tài năm 1989 có xác định ranh với chủ đất cũ đến ngày 05/11/2001 được UBND huyện Tân T cấp giấy CNQSD đất ông, bà sử dụng ổn định, nay ông H nói ông lấn đất chiều ngang 1,2m, chiều dài 141m, tổng diện tích 85m² thuộc 01 phần thửa 49 thì ông C, bà H không đồng ý. Theo giấy CNQSD đất mà nguyên đơn, bị đơn đứng tên theo mảnh trích đo địa chính số 75 ngày 08/7/2020 và thống kê diện tích đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (viết tắt VPĐKĐĐ) tại huyện Tân T gồm các thửa có tranh chấp cụ thể: Tờ bản đồ số 3, thửa 49B chủ sử dụng ông H, hiện trạng sử dụng diện tích 47m² (LUC) về QSD đất diện tích 2.428m², 01 phần thửa tranh chấp. Tờ bản đồ số 3, thửa 58B chủ sử dụng ông C, hiện trạng sử dụng 11m² (CLN) về QSD đất diện tích 9.614m², 01 phần thửa tranh chấp. Tờ bản đồ số 3, thửa 67B, chủ sử dụng ông C, hiện trạng

sử dụng 11m²(CLN) về QSD đất 3.057m², 01 phần thửa tranh chấp. Tờ bản đồ số 3, thửa 67C, chủ sử dụng ông C, hiện trạng sử dụng 03m² (CLN) về QSD đất 3.057m², 01 phần thửa tranh chấp. Tờ bản đồ số 3, thửa 62B, chủ sử dụng đất ông C, hiện trạng sử dụng 09m² (ONT) về QSD đất 510m², 01 phần thửa tranh chấp. Như vậy, hiện trạng diện tích đất sử dụng của nguyên đơn, bị đơn nhỏ hơn so với diện tích trên giấy CNQSD đất, nguyên nhân giảm do làm lộ đá xanh (Theo bản thống kê), còn ranh giới, mốc giới giữa các thửa đất trước đây đã được xác định theo biên bản ngày 28/10/2010. Phía ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông C và bà H lấn chiếm đất của ông H 42,5m² thuộc 01 phần thửa 49, tờ bản đồ số 3 vị trí tại ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Đối với nguyên đơn xin rút yêu cầu các khoản bồi thường thiệt hại tài sản trước ngày mở phiên tòa, cũng như bị đơn ông C, bà H xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản tại phiên tòa. Căn cứ Điều 91, 217, 218 BLTTDS năm 2015; Điều 100, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn và yêu cầu phản tố đòi bồi thường thiệt hại tài sản của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Tranh chấp quyền sử dụng đất, đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản giữa ông Phạm Trọng H với ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị Bé H là tranh chấp dân sự. Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

2.1 Về phần đất tranh chấp. Năm 2017, ông H được ông Phạm Tr (cha của ông H) tặng cho, đến ngày 14/4/2017 ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy CNQSD đất gồm các thửa: Thửa 49 diện tích 2.428m², thửa 54 diện tích 1.171m² và thửa 341 diện tích 3.926m² tờ bản đồ số 3 vị trí ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, Tân T, Long An, sử dụng đến tháng 9/2018 ông xây dựng kho chứa trấu thì xảy ra tranh chấp ranh đất với vợ chồng ông C. Đối với phần đất của ông C, bà H năm 1989 nhận sang nhượng của ông Phan Văn T sử dụng cho đến ngày 05/11/2001 được UBND huyện Tân T cấp giấy CNQSD đất gồm nhiều thửa, trong đó có thửa 58 diện tích 9.614m², thửa 62 diện tích 510m², thửa 67 diện tích 3.057m² tờ bản đồ số 3 vị trí tại ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An giáp với đất thửa 49 của ông H và ông, bà đã sử dụng đến khi ông H xây kho trấu cát tràn xuống đường cống của ông, bà nên có nhắc nhở ông H nhưng không khắc phục.

2.3 Xét thấy, đối với phần đất của ông H năm 2010 ông Tr sang nhượng lại

của bà Nguyễn Thị Th vợ của ông Bùi Văn C đã xác định ranh đất với vợ chồng ông C và bà H. Đến năm 2017, ông Tr tặng cho ông H diện tích đất này nhưng không có đo lại mà ông H vẫn sử dụng ranh đất của bà Th sang nhượng trước đó, việc này ông C và bà H thừa nhận theo biên bản ranh giới và mốc giới của các thửa trước đây đã được xác định theo biên bản ngày 28/10/2010. Cho đến tháng 9/2018 ông H xây dựng kho chứa trấu có yêu cầu ông C chỉ ranh nhưng bà H không đồng ý và xác định ông H có lấn đất qua phần đất của bà vì trước đó chủ đất cũ và ông Tr đã xác định ranh và có cọc đá cắm ở đầu bờ Kênh Cà Nhíp. Ông Tr thừa nhận do bờ kênh sạt lở nên ông dời cọc đá vào trong lộ, nhưng đến khi ông H xây dựng kho trấu phát hiện ông C, bà H lấn ranh qua chiều ngang giáp Kênh Cà Nh 1,2m, điểm ngang giáp lộ N2 là 0m, chiều dài 141 diện tích là 85m² thuộc 01 phần thửa 49 tờ bản đồ số 3 vị trí ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H rút 01 phần yêu cầu và yêu cầu ông C, bà H trả lại 42,5m² theo mảnh trích đo địa chính số 75-2020 ngày 08/7/2020 của Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Tân T. Xét thấy, việc rút 01 phần yêu cầu của ông H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, tại bản trích đo bản đồ địa chính ngày 08/7/2020 của Chi nhánh VPĐKĐĐ đối với phần đất của ông H ở thửa 49 đo thực tế thửa 49A diện tích là 2.343m² và theo bản Thống kê diện tích ngày 08/7/2020 của Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Tân T thì thửa 49 có giảm 38m² do làm lộ giao thông đổ đá xanh cho nên còn lại 47m² (thửa 49B). Còn đối với phần đất ông C, bà H thửa 58 đo thực tế thửa 58A diện tích 7.314m² và có giảm 47m² do sai ranh. Và tại Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 25/10/2007 của UBND huyện Tân T “V/v thu hồi đất của ông Huỳnh Văn C để thi công công trình xây dựng tuyến lộ N2 diện tích 2.247m² thuộc 01 phần thửa 58 thì thửa 58 còn tH 6m². Còn thửa 62 đo thực tế thửa 62A diện tích 542m² so với giấy CNQSD đất thửa 32m² và diện tích tranh chấp là 9m² cũng như thửa 62 chiều dài giáp thửa 49 của ông H là 20,2m cho nên không thể buộc ông C, bà H trả lại 01 phần diện tích thửa của thửa 62 trả lại ông H. Mặt khác, đối với thửa 67 của ông C, bà H đo thực tế 2.373m² và do làm lộ giao thông đổ đá xanh giảm 670m², thì thửa 67 còn tH 14m² theo bản Thống kê diện tích ngày 08/7/2020.

Như vậy, tại mảnh trích đo địa chính ngày 08/7/2020 của Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Tân T cho thấy đất thửa 58, 67 của ông C và bà H còn tH so với giấy CNQSD đất. Hơn nữa, ông H không đưa ra chứng cứ chứng minh ông C, bà H lấn đất, cũng như tại phiên tòa ông H thừa nhận bờ ranh không thay đổi và đã sử dụng từ trước đến nay. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu ông C, bà H trả lại 42,5m² đất thuộc 01 phần thửa 49 tờ bản đồ số 3 vị trí ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An theo đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở.

Còn đối với ông H yêu cầu ông C, bà H bồi thường thiệt hại 04 ngày công lao động số tiền 4.800.000đồng, 05 cây đôn tay gỗ số tiền 1.250.000đồng và

20m³ đất số tiền 2.200.000đồng, tổng cộng số tiền 8.250.000đồng. Đến ngày 15/12/2020 ông H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015, nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của ông H có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Về yêu cầu phản tố của ông C, bà H yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại 10 cây cừ tràm số tiền 500.000đồng, 02 ống bọng số tiền 4.400.000đồng, tiền thuê máy Kobe mức cát, trầu tràn xuống ống bọng số tiền 600.000đồng, tiền thuê máy bơm nước 4.000.000đồng, tiền thuê 03 công lao động số tiền 900.000đồng và tiền thuê máy Kobe sửa ống bọng 1.200.000đồng, tổng cộng số tiền 11.600.000đồng, Tuy nhiên, tại phiên tòa ông C và bà H xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của ông C, bà H có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3].*Về chi phí*: Chi phí đo đạc bản đồ địa chính của Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Tân T số tiền 8.793.000đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá số tiền 2.900.000đồng, tổng cộng số tiền 11.693.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông H không được chấp nhận, nên ông H phải chịu số tiền này và ông H đã nộp xong.

Về giá đất, tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá đất ngày 17/11/2020 thống nhất giá đất 1m² = 100.000đồng được tính như sau: 42,5m² x 100.000đồng = 4.250.000đồng để tính tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4].*Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của ông H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Còn đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản ông H, ông C và bà H xin rút yêu cầu này nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015; Điều 166 BLDS năm 2015; Điều 100, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trọng H yêu cầu ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị Bé H bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 8.250.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị Bé H yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 11.600.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trọng H yêu cầu ông

Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị Bé H trả lại 42,5m² đất thuộc 01 phần thửa 49, tờ bản đồ số 3 vị trí ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Giữ nguyên hiện trạng đất sử dụng của nguyên đơn và bị đơn theo ranh giới địa chính của Mảnh trích đo địa chính số 75-2020 ngày 08/7/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân T.

3. Về án phí: ông Phạm Trọng H phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ 737.500đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000585 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T, nên ông H được hoàn trả lại 437.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị Bé H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000609 ngày 01/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H